

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CÁC ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP LÂM SÀNG CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH BÁC SĨ ĐA KHOA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Trường Đại học Y Khoa Vinh, Nghệ An, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
p-ISSN: 3030-4857

Volume: 53

Issue: 1C

***Correspondence:**
hienthanhbms2010@yahoo.com.vn

Received: 31 January 2024

Accepted: 20 February 2024

Published: 20 March 2024

Citation:

Nguyễn Thị Thanh Hiền (2024).
Thực trạng và giải pháp quản lý
các điều kiện, phương tiện hỗ trợ
hoạt động thực tập lâm sàng của
sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa
khoa trên địa bàn thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An. **Vinh Uni. J. Sci.**
Vol. 53 (1C), pp. 106-117
doi: 10.56824/vujs.2024c015

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an Open
Access article distributed under the
terms of the [Creative Commons
Attribution License \(CC BY NC\)](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/),
which permits non-commercially to
share (copy and redistribute the
material in any medium) or adapt
(remix, transform, and build upon
the material), provided the original
work is properly cited.

Bằng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đánh giá sơ bộ thực trạng công tác quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động thực tập lâm sàng của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa trên địa bàn Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Các nội dung đã được khảo sát, phân tích, đánh giá bao gồm phân bố giảng viên, số lượng giảng viên, số lượng sinh viên thực tập trong mỗi buổi học, việc đảm bảo đủ thời gian thực tập theo quy định... Trên cơ sở thực trạng ghi nhận được, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thực tập lâm sàng cho sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa trên địa bàn Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Các giải pháp đề xuất cũng được khảo sát thăm dò ý kiến các chuyên gia về tính cấp thiết và khả thi của mỗi giải pháp.

Từ khóa: Bác sĩ đa khoa; thực tập lâm sàng; hiệu quả; quản lý.

1. Giới thiệu

Với quan điểm thực tập chính là trọng tâm của giáo dục Y học và lấy người học làm trung tâm, trong “Sổ tay giáo dục dành cho cán bộ Y tế”, tác giả Guilbert J. J. (1997) đã nêu lên và giải quyết những vấn đề cơ bản như: Xây dựng một kế hoạch thực tập, theo dõi kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch thực tập, quản lý việc lượng giá các kỹ năng thực hành của sinh viên, quản lý đánh giá phương pháp hướng dẫn thực tập của giảng viên, phương pháp đánh giá cuối đợt thực tập của sinh viên....

Tài liệu hướng dẫn thực hành: “Giảng dạy nhân viên chăm sóc sức khỏe” của Fred Abbatt và Rosemary McMahon (1985) là một chuyên luận khá công phu về công tác giảng dạy nhân viên Y tế ở nhiều nước trên Thế giới. Các tác giả đó giảng giải về cách để người giảng viên biết cụ thể là sinh viên cần phải học gì. Từ kỹ thuật phân tích nhiệm vụ sẽ đưa tới sự phân biệt rõ ràng giữa các điều cần học khác nhau: Kiến thức, thái độ hay kỹ năng thao tác tay nghề.

“Giải pháp cho tình trạng sinh viên chưa đạt yêu cầu trong thực tập lâm sàng (TTLS)” là công trình nghiên cứu của Scanlan Judith và cộng sự (2001) nêu lên và phân tích tình trạng sinh viên chưa đạt yêu cầu trong TTLS, từ đó đề xuất những biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tay nghề cho nhân viên Y tế.

Ở Việt Nam, xuất phát từ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn liền với thực tiễn nên việc nghiên cứu về thực tập không phải là một đề tài mới lạ. Chiến lược đào tạo nghề đã được Chính phủ hoạch định nhằm phát huy nội lực, huy động mọi nguồn lực tập trung đào tạo nghề cho người lao động, đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội, đặc biệt nhu cầu công nghiệp hóa, nhu cầu nguồn lực để hội nhập, chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, giảm thiểu thất nghiệp, chiến lược đào tạo nghề của Chính phủ từ năm 2011 đến năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp và Đại học đạt khoảng 70% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012). Trong đào tạo nghề yêu cầu học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp nghề phải có năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng thích ứng với nghề nghiệp và tự lập nghiệp, có ý thức kỷ luật tác phong lao động chuyên nghiệp. “Đối với giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Luyện tập tay nghề là một khâu quan trọng nhất trong quá trình đào tạo nghề. Quy trình đào tạo nghề bao gồm các kiến thức phổ thông, chuyên môn và bậc nghề. Luyện tập thực hành nhằm giải quyết mặt thực tế của học sinh được đào tạo sao cho học sinh có khả năng hoàn thành một nghề xác định ở bậc đào tạo (Nguyễn Thị Tuyết, 2013).

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Phương pháp này dùng để khái quát hóa, hệ thống hóa những vấn đề lý luận từ tài liệu, sách, báo có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu nhằm xác định cơ sở lý luận cho việc xác lập một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên các trường đại học có chuyên ngành Bác sĩ đa khoa.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ *Phương pháp điều tra giáo dục*: Khảo sát giảng viên và sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa ở các trường có đào tạo bác sĩ đa khoa nhằm thu thập thông tin, số liệu để đánh giá thực trạng về công tác quản lý hoạt động thực tập của sinh viên.

+ *Phương pháp quan sát sự phạm*: Phương pháp này dùng để quan sát các hoạt động của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên để ghi nhận, thu thập những thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng về hoạt động thực tập và quản lý hoạt động thực tập.

+ *Phương pháp chuyên gia*: Phương pháp này dùng để trao đổi, xin ý kiến giảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý của các trường đại học có đào tạo bác sĩ đa khoa, các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe về sự cần thiết và tính khả thi của một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên.

- Phương pháp thống kê toán học được sử dụng để xử lý các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực tập và hoạt động thực tập của sinh viên ở trường đại học

3.1.1. Hoạt động thực tập

HDTT là một phần của quá trình dạy học. Trong những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, cùng với việc đổi mới nội dung dạy học theo hướng hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nền kinh tế tri thức và sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ. Trong giáo dục đào tạo cũng đang diễn ra cuộc cách mạng về phương pháp dạy học. Bản chất của cuộc cách mạng này là phải chuyển từ các phương pháp truyền tin sang phương pháp tổ chức điều khiển để người học tự tìm tòi, phát hiện và chiếm lĩnh nội dung học vấn bằng chính hành động và thao tác của họ. Biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo, biến quá trình dạy học thành quá trình tự học nhằm giúp cho người học nắm vững nghề nghiệp chuyên môn của mình. Đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp và sự say mê tìm tòi, sáng tạo trong lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn của mình.

Trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc “lấy tự học làm gốc” đã được Đảng và nhân dân ta luôn coi trọng. Người chỉ ra “học gắn liền với hành” mới là cái học đích thực, học gắn liền với lao động sản xuất, với thực tiễn, kết hợp học và tự học. Điều 5 của Luật Giáo dục quy định “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”; “đảm bảo thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, phát triển phong trào tự học, tự đào tạo...”; “tạo ra năng lực tự học sáng tạo của mỗi học sinh” (Quốc hội, 2005). Do đó hoạt động thực tập là một phần quan trọng trong hoạt động tự học của sinh viên.

Nếu như việc học thực hành ở ngay trong nhà trường giúp các em bước đầu mới làm quen, bắt chước để có thao tác làm việc trên các mô hình, dần dần mới hình thành các đợc kỹ năng cơ bản, các thao tác tiến hành một công việc thì hoạt động thực tập chính là nơi các em đợc quan sát trực tiếp môi trường mà mình sẽ phải làm, các kỹ năng đã thực hành trong nhà trường sẽ đợc dùng trong thực tế công việc. Hoạt động thực tập chính là nơi “cầm tay chỉ việc”, thao tác trực tiếp trong thực tế, giúp các em nâng cao đợc tay nghề để hình thành các kỹ xảo và làm việc một cách thành thạo. Bên cạnh đó mới đánh giá đợc thái độ, hành vi, tay nghề của sinh viên.

3.1.2. Quản lý hoạt động thực tập của sinh viên ở trường đại học

Quản lý hoạt động thực tập là quá trình vận dụng các chức năng quản lý như: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra một cách sáng tạo để tổ chức, điều hành toàn bộ các hoạt động có liên quan đến việc thực tập.

Quản lý hoạt động thực tập cũng bao hàm ý nghĩa tìm ra những giải pháp tốt nhất để thực hiện một cách có hiệu quả nội dung thực tập trên cơ sở đảm bảo những điều kiện thuận lợi giúp sinh viên có thể thực tập tốt và tích lũy thêm đợc kiến thức, kinh nghiệm cho bản thân. Từ đó, kiến thức đã học đợc củng cố và nâng cao để sinh viên có thể vững vàng hơn về các kỹ năng cũng như có những nhận thức đúng đắn hơn về nghề nghiệp.

Quản lý quá trình dạy học nói chung và quản lý hoạt động thực tập nói riêng là một quá trình bao gồm nhiều nội dung, nhiều bước từ việc quán triệt mục tiêu thực tập, nội dung thực tập, kế hoạch thực tập, đến khâu cuối cùng là tổ chức đánh giá kết quả

thực tập. Căn cứ vào quá trình giảng dạy và thực tập từng chuyên ngành có thể cụ thể hóa thành các nội dung khác nhau, nhưng đều xoay quanh mấy vấn đề sau:

* Quán triệt mục tiêu, nội dung thực tập

- Mục tiêu thực tập là những chỉ tiêu tay nghề mà sinh viên phải đạt được sau hoạt động thực tập. Tùy theo từng đối tượng đào tạo, trình độ đào tạo mà có các mục tiêu khác nhau.

- Nội dung thực tập: trên cơ sở chương trình giáo dục kết hợp thực tế tại cơ sở thực tập thì hoàn thành nội dung thực tập, được chi tiết hóa bằng các chỉ tiêu tay nghề.

* Kế hoạch thực tập được xây dựng từ đầu năm học, trên cơ sở nội dung chương trình xây dựng kế hoạch giảng dạy của từng tuần. Kế hoạch quản lý quá trình thực tập là bản thiết kế chương trình hành động cụ thể để điều khiển được các chủ thể đối với đối tượng quản lý nhằm thực thi một cách có hiệu quả nội dung chương trình trong một phạm vi không gian nhất định.

* Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý quá trình thực tập có nhiều thành phần khác nhau, quản lý trực tiếp là giáo vụ bộ môn, có sự tham gia của các giáo viên đang công tác tại khoa. Quản lý gián tiếp quá trình thực tập là phòng đào tạo. Việc quản lý này thông qua xây dựng kế hoạch chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra...

* Chỉ đạo xây dựng nề nếp trong quá trình thực tập đó là chức năng trong quản lý hành chính trong quá trình quản lý dạy học, đưa quá trình đó đi vào kỷ cương và thực hiện các nội quy quy định của nhà trường, của cơ sở thực tập, của bộ môn, của khoa nhằm phát huy ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cá nhân.

Để quản lý tốt hoạt động thực tập của sinh viên ở trường đại học, nhà trường phải xác định mục tiêu giáo dục: “Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ, nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012).

3.1.3. Hoạt động thực tập của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa (Nguyễn Thị Thanh Hiền, 2024)

Việc đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho ngành y tế là vấn đề cấp thiết, trong đó đào tạo đội ngũ bác sĩ đóng góp một phần quan trọng. Hoạt động thực tập trong ở các trường đại học đào tạo chuyên ngành Bác sĩ đa khoa bao gồm:

* Thực tập tại các phòng thực hành của nhà trường: với các môn học có phần thực tập tại phòng thực hành của nhà trường, các trường tổ chức để sinh viên được thực tập đúng khối lượng thời gian và nội dung đã quy định. Có thể phân chia các lớp học thành các nhóm nhỏ để sinh viên được trực tiếp thực hiện tại các phòng thực hành. Sinh viên được đánh giá kết quả thực tập bằng điểm hệ số theo quy định và được tính vào điểm tổng kết môn học.

* Thực tập tại bệnh viện: chủ yếu là TTLS, bao gồm:

- Thực hiện các kỹ thuật thăm khám người bệnh theo nội dung các môn học.

- Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.

- Chuẩn bị dụng cụ, phụ giúp thầy thuốc thực hiện các kỹ thuật trong khám chữa

bệnh.

- Thời gian trực bệnh viện

- Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, thuốc, dụng cụ tại khoa phòng thực tập.

TTLS tại các bệnh viện là phần quan trọng nhất trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa nhằm hình thành kỹ năng tay nghề và thái độ phục vụ người bệnh.

Thời gian thực tập tại bệnh viện của mỗi phân được bố trí tương ứng với thời điểm các môn học chuyên môn để sinh viên hoàn thành và ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc người bệnh.

* Thực tập tại cộng đồng: Thời gian thực tập tại cộng đồng là 04 tuần (160 giờ) thực hiện vào cuối học kỳ II năm thứ tư và năm thứ năm, được xác định là một môn học kiểm tra có hệ số 2.

- Thực tập cộng đồng 1: Sinh viên đến các cộng đồng dân cư tham quan, quan sát và thực hành để xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên, điều tra thu.

thập số liệu, xử lý phân tích số liệu để lập kế hoạch và thực hành giáo dục sức khỏe, viết báo cáo kết quả thực tập cộng đồng.

- Thực tập cộng đồng 2: Sinh viên đến các trạm y tế xã tham quan, quan sát và nhận xét về tình hình nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế. Mô tả hệ thống sổ sách báo cáo và thực hành ghi chép thông tin y tế. Thực hiện chẩn đoán cộng đồng và viết báo cáo kết quả thực tập cộng đồng.

* Thực tập tốt nghiệp: Thời gian: 12 tuần vào học kỳ I của năm thứ sáu. Địa điểm: Trạm y tế xã/ phường, Trung tâm y tế huyện, bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh.

3.2. Thực trạng công tác quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động thực tập

3.2.1. Phân bố giảng viên quản lý thực tập lâm sàng

175 sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa đang thực tập tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An và 170 giảng viên hướng dẫn, lãnh đạo các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe đã được khảo sát lấy ý kiến về mục tiêu và chương trình thực tập sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa. Ngoài ra tác giả còn khảo sát ý kiến của 155 giảng viên thỉnh giảng. Kết quả thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên đánh giá việc phân bố giảng viên quản lý TTLS ở mức độ phù hợp trở lên, chiếm 86,86% số người được hỏi. Chỉ một tỷ lệ tương đối thấp, 13,14% đánh giá chưa phù hợp. Đối với các giảng viên, lãnh đạo và quản lý, tỷ lệ đánh giá ở các mức độ “rất phù hợp”, “phù hợp” và chưa phù hợp lần lượt là 21,77%; 65,88% và 12,35%. Tỷ lệ này ở giảng viên thỉnh giảng lần lượt là 21,29%; 65,81% và 12,9%. Có thể nhận thấy tỷ lệ lựa chọn ở các mức độ đánh giá là tương đối bằng nhau giữa các đối tượng đánh giá. Với 12-13% người được hỏi đánh giá việc phân bố giảng viên quản lý TTLS ở mức độ chưa phù hợp, các giải pháp trong phần tiếp theo sẽ góp phần cải thiện tỷ lệ này.

Bảng 1: Khảo sát về việc phân bố giảng viên quản lý TTLS

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	n	%	n	%	n	%
Rất phù hợp	38	21,71	37	21,77	33	21,29
Phù hợp	114	65,15	112	65,88	102	65,81
Chưa phù hợp	23	13,14	21	12,35	20	12,9
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

3.2.2. Số lượng giảng viên hướng dẫn TTLS

Kết quả khảo sát (Bảng 2) cho thấy 78,29% SV được hỏi cho rằng số lượng GV hướng dẫn TTLS hiện nay vẫn còn thiếu, có 21,71% cho rằng là vừa đủ và không có ý kiến nào cho là thừa. Ở nhóm giảng viên, lãnh đạo, quản lý thì 78,82% nhận định số lượng GV hướng dẫn TTLS hiện nay vẫn còn thiếu, có 21,18% cho rằng là vừa đủ và không có ý kiến nào cho là thừa. Tương tự ở nhóm giảng viên thỉnh giảng, các tỷ lệ này lần lượt là 78,71%; 21,29%. Kết quả này đã phản ánh một thực trạng hiện nay về vấn đề thiếu GV quản lý và hướng dẫn TTLS.

Bảng 2: Khảo sát về số lượng giảng viên hướng dẫn thực tập lâm sàng

Số lượng giảng viên	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Thừa	0	0	0	0	0	0
Vừa đủ	38	21,71	36	21,18	33	21,29
Còn thiếu	137	78,29	134	78,82	122	78,71
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

3.2.3. Số lượng sinh viên TTLS trong mỗi buổi học

Theo đánh giá của đa số SV (55,43%), số lượng SV thực tập hiện nay là quá đông, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện nay khi đội ngũ GV hướng dẫn TTLS còn thiếu (Bảng 3). Đồng thời để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh, số lượng SV theo học các chuyên ngành chăm sóc sức khỏe, y tế ngày càng tăng. Tỷ lệ 33,14% SV được khảo sát cho rằng số lượng SV thực tập hiện nay là đông và chỉ có 11,43% cho rằng số lượng như hiện nay là vừa phải. Như vậy tỷ lệ SV cho rằng số lượng SV thực tập hiện nay ở mức Đông đến Quá đông là gần 90%. Đây là một tỷ lệ rất lớn, nếu không cải thiện tình trạng này thì rất khó khăn cho SV trong việc thực hiện đủ chỉ tiêu TTLS đã đặt ra. Trong bảng thăm dò ý kiến, tác giả đã ghi nhận được tình hình các SV xin đi trực đêm thêm ngoài những buổi đã được phân công để đảm bảo chỉ tiêu thực tập đã đề ra.

Bảng 3: Khảo sát về số lượng sinh viên thực tập trong mỗi buổi học

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Vừa phải	20	11,43	20	11,77	18	11,61
Đông	58	33,14	56	32,94	50	32,26
Quá đông	97	55,43	94	55,29	87	56,13
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Tương tự như vậy, theo các giảng viên, lãnh đạo, quản lý các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh được khảo sát, số lượng SV thực tập như hiện nay là quá đông (55,29%). Tỷ lệ này ở mức độ đánh giá “đông” là 32,94%, mức độ đánh giá “vừa phải”

là 11,77%. Các giảng viên thỉnh giảng đánh giá lần lượt ở các mức độ “quá đông”, “đông” và “vừa phải” lần lượt là 56,13%; 32,26% và 11,61%.

3.2.4. Sự nhiệt tình của GV hướng dẫn thực tập

Một trong những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả thực tập của sinh viên nói chung, TTLS của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa nói riêng, đó là sự hướng dẫn và đồng hành của GV hướng dẫn trong suốt quá trình thực tập. Kết quả khảo sát sự nhiệt tình của GV hướng dẫn đã được triển khai với 175 sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa. Kết quả thể hiện ở Bảng 4 cho thấy đa số sinh viên phản hồi GV hướng dẫn đã nhiệt tình trong quá trình thực tập, chiếm 89,71% tổng số ý kiến. Một tỷ lệ cũng đáng xem xét, 12,29% SV cho rằng GV đã thiếu nhiệt tình khi hướng dẫn TTLS. Do đó trong phần giải pháp cũng cần xem xét điều này.

Bảng 4: *Khảo sát về sự nhiệt tình của GV hướng dẫn thực tập*

Nội dung	n	%
Có nhiệt tình	157	89,71
Không nhiệt tình	18	10,29
Tổng cộng	175	100

3.2.5. Việc đảm bảo thực hiện đủ thời gian thực tập theo quy định

Đối với sinh viên các chuyên ngành chăm sóc sức khỏe, y tế thì vấn đề thực tập sẽ quyết định rất lớn đến trình độ tay nghề sau khi tốt nghiệp. Với đặc thù công việc trực tiếp tiếp xúc với người bệnh, mọi sơ suất sẽ dẫn đến hậu quả không lường trước được đối với sức khỏe, tính mạng của người bệnh. Do đó hầu hết các sinh viên đều ý thức được tầm quan trọng của hoạt động thực tập, trong đó có TTLS. Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy 98,29% sinh viên đảm bảo thời gian TTLS theo quy định.

Bảng 5: *Khảo sát về việc đảm bảo thực hiện thời gian thực tập*

Nội dung	n	%
Có đảm bảo thời gian	172	98,29
Không đảm bảo thời gian	3	1,71
Tổng cộng	175	100

3.2.6. Việc tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực tập

Đa số SV được khảo sát đều cho rằng các cơ sở thực tập (bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh...) đã tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực tập, có 17,14% trả lời ngược lại (Bảng 6). Trao đổi thêm với các giảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý và GV hướng dẫn thực tập của các cơ sở đào tạo, tác giả nhận thấy hiện nay các trường đều có mô hình kết hợp Viện - Trường trong giảng dạy thực hành - thực tập. Cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập đều tham gia vào thiết kế chương trình đào tạo, vận hành chương trình cũng như đánh giá kết quả đạt được của người học. Với sự tham gia vào khâu thiết kế chương trình đào tạo của cơ sở thực tập, các nội dung thực tập của SV sẽ thực tế và sát với nhu cầu thực tiễn của thế giới nghề nghiệp. Như vậy việc thực tập của

SV, trong đó có TTLS, sẽ hứng thú và hiệu quả hơn, điều đó phần nào lý giải cho kết quả thu được ở Bảng 6.

Bảng 6: Khảo sát về việc tạo điều kiện thuận lợi cho SV thực tập

Nội dung	n	%
Có tạo điều kiện thuận lợi	145	82,86
Không tạo điều kiện thuận lợi	30	17,14
Tổng cộng	175	100

3.2.7. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thực tập

Bảng 7: Khảo sát về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thực tập

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý	
	n	%	n	%
Rất tốt	31	17,71	30	17,65
Tốt	92	52,57	90	52,94
Chưa tốt	52	29,72	50	29,41
Tổng cộng	175	100	170	100

Khi hỏi về điều kiện cơ sở vật chất tại các cơ sở TTLS phục vụ cho HĐTT thì có 52,57% SV cho rằng tốt, có 29,72% thì cho là chưa tốt và 17,71% cho rằng rất tốt. Điều này hoàn toàn trùng hợp với cách đánh giá của giảng viên thuộc các bộ môn lâm sàng và nó cũng cho thấy trên thực tế hiện nay chỉ có hơn phân nửa các cơ sở thực tập là có đủ điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng được với nhu cầu thực tập của sinh viên. Có 52,94% GV trả lời là tốt, 29,41% là chưa tốt và có 17,65% GV trả lời là rất tốt (Bảng 7).

3.2.8. Mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và các cơ sở TTLS

Bảng 8: Khảo sát về mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và các cơ sở TTLS

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	n	%	n	%	n	%
Rất tốt	54	30,86	53	31,18	48	30,97
Tốt	95	54,28	94	55,29	85	54,84
Chưa tốt	26	14,86	23	13,53	22	14,19
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Khi đặt câu hỏi về mối quan hệ giữa nhà trường và các cơ sở TTLS thì đa số SV (54,28%) đánh giá là tốt, 30,86% đánh giá là rất tốt và có 14,86% là chưa tốt. Tương tự như vậy về phía GV, lãnh đạo, quản lý, 55,29% đánh giá là tốt, 31,18% là rất tốt và 13,53% cho rằng chưa tốt. Tỷ lệ này ở giảng viên thỉnh giảng lần lượt là 54,84%; 30,97% và 14,19%.

3.2.9. Mức độ cần thiết của sự kết hợp Viện - Trường trong quản lý TTLS

Đa số nhóm giảng viên, lãnh đạo, quản lý cho rằng sự kết hợp Viện - Trường trong việc quản lý TTLS của SV là rất cần thiết, đạt tỷ lệ 88,41%. 10,59% là cần thiết và không có ý kiến nào cho là không cần thiết.

Cùng quan điểm đó, 88,39% giảng viên thỉnh giảng có ý kiến là rất cần thiết trong sự kết hợp quản lý hoạt động thực tập của SV, 11,61% ý kiến cho là cần thiết và không có ý kiến nào là không cần thiết. Như vậy có thể thấy vai trò của sự kết hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập.

Bảng 9: Khảo sát về mức độ cần thiết của sự kết hợp Viện - Trường trong quản lý TTLS

Mức độ	Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Rất cần thiết	152	89,41	137	88,39
Cần thiết	18	10,59	18	11,61
Không cần thiết	0	0	0	0
Tổng cộng	170	100	155	100

3.3. Giải pháp đảm bảo các điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý TTLS của SV

Xác định các giải pháp cụ thể đảm bảo các điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của SV như:

- Hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị thực tập: Tăng cường nguồn đầu tư kinh phí để hiện đại hóa cơ sở vật chất tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý hoạt động TTLS của SV đạt kết quả cao. Tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được tiếp cận với người bệnh, hồ sơ bệnh án, phương tiện, thiết bị chăm sóc có sự giám sát, đánh giá của người hướng dẫn.

- Đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, đội ngũ bác sĩ tham gia hướng dẫn thực tập ở các cơ sở thực tập cần đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và nâng cao chất lượng, cụ thể cần: (i) Tăng chỉ tiêu biên chế để kịp thời bổ sung đội ngũ giảng viên cơ hữu; (ii) Thực hiện tốt mô hình kết hợp Viện - Trường để tăng cường đội ngũ cán bộ có học hàm, học vị cho các cơ sở đào tạo ngoài nguồn cán bộ cơ hữu được đào tạo, bồi dưỡng trong tương lai; (iii) Cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên của trường và giảng viên thỉnh giảng để có được đội ngũ giảng viên quản lý và hướng dẫn thực tập đầy đủ phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm lâm sàng và nghiệp vụ sư phạm.

Để có cơ sở thực tập tốt, các cơ sở đào tạo cần tác động lên chức trách đào tạo của các cơ sở thực tập, cụ thể như sau:

- Lên kế hoạch thực tập trước khi năm học mới bắt đầu: đối tượng thực tập, số lượng, mục tiêu thực tập, thời gian thực tập.

- Liên hệ với các cơ sở thực tập để ký kết hợp đồng đào tạo cho cả năm học, ghi rõ chức trách của các cơ sở thực tập.

- Giải quyết những khó khăn tồn tại, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên.

Với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, đội ngũ bác sỹ tham gia quản lý và hướng dẫn thực tập ở các cơ sở thực tập:

- Các bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên quản lý và hướng dẫn cụ thể thực tập cho từng tổ, từng khoa, sao cho có ít nhất một cán bộ giảng viên của cơ sở đào tạo trong một khoa thực tập.

- Đối với các cơ sở TTLS có nhiều đối tượng SV thực tập cần có kế hoạch điều phối SV một cách hợp lý theo quy mô của khoa, của bệnh viện, tránh dồn quá nhiều SV vào một khoa trong cùng một thời điểm.

Với đội ngũ giảng viên:

- Bố trí thời gian làm việc như một bác sỹ ở Bệnh viện ít nhất là 6 tháng, trong đó có 3 tháng làm việc ở khoa thực tập để có kinh nghiệm lâm sàng trước khi bắt đầu quản lý và hướng dẫn SV; Nghiên cứu những quy định chuyên môn, quy trình sử dụng vận hành thiết bị của bệnh viện...

- Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức người cán bộ Y tế theo chuẩn năng lực Bác sỹ đa khoa, quy định 12 điều y đức, rèn luyện phẩm chất người Thầy theo chuẩn giáo viên chuyên nghiệp.

- Đúc kết kiến thức và kinh nghiệm lâm sàng sau những đợt quản lý và hướng dẫn thực tập. Luôn học hỏi chuyên môn từ phía Bác sỹ của Bệnh viện.

Với giảng viên thỉnh giảng:

- + Tham gia các lớp tập huấn giảng viên hướng dẫn lâm sàng.

- + Tham quan, học tập ở các bệnh viện khác.

- + Nghiên cứu tài liệu giảng dạy lý thuyết của cơ sở đào tạo được mời thỉnh giảng.

- + Luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức người cán bộ Y tế .

- + Đúc kết kiến thức và kinh nghiệm lâm sàng sau những đợt hướng dẫn thực tập.

- + Luôn học hỏi chuyên môn từ phía Bác sỹ, đồng nghiệp và người bệnh.

3.4. Thăm dò sự cần thiết và tính khả thi của giải pháp đề xuất

Để có căn cứ sơ bộ khẳng định niềm tin vào sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp được đề xuất, tác giả đã tiến hành tham vấn ý kiến của 152 người, bao gồm các thành phần: (i) Lãnh đạo các cơ sở đào tạo chuyên ngành chăm sóc sức khỏe, y tế... (16 phiếu); (ii) Lãnh đạo các cơ sở thực tập (42 phiếu); Giảng viên cơ hữu các cơ sở đào tạo các chuyên ngành chăm sóc sức khỏe, y tế (56 phiếu); Giảng viên thỉnh giảng (38 phiếu). Kết quả thể hiện ở Bảng 10. Kết quả chỉ ra rằng giải pháp đề xuất đã được đa số các chuyên gia đánh giá khả thi ở tỷ lệ 100%. Tương tự như vậy 100% người được hỏi đánh giá sự cần thiết phải đưa ra giải pháp đảm bảo các điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý TTLS đối với SV chuyên ngành Bác sỹ đa khoa tại các cơ sở đào tạo.

Bảng 10: Kết quả thăm dò sự cần thiết và tính khả thi của giải pháp đề xuất

Giải pháp	Mức độ cần thiết (Số phiếu/Tỷ lệ)			Mức độ khả thi (Số phiếu/Tỷ lệ)		
	Rất cần thiết	Cần thiết	Chưa cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Chưa khả thi
Đảm bảo các điều kiện để nâng cao hiệu quả quản lý TTLS	148	4	0	137	15	0
	97%	3%	0%	90%	10%	0%

4. Kết luận

Bằng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đánh giá sơ bộ thực trạng công tác quản lý các điều kiện, phương tiện hỗ trợ hoạt động thực tập lâm sàng của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa trên địa bàn TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Các nội dung đã được khảo sát, phân tích, đánh giá bao gồm phân bố giảng viên, số lượng giảng viên, số lượng sinh viên thực tập trong mỗi buổi học, việc đảm bảo đủ thời gian thực tập theo quy định... Trên cơ sở thực trạng ghi nhận được, tác giả đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thực tập lâm sàng cho sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa trên địa bàn TP. Vinh, tỉnh Nghệ An. Các giải pháp đề xuất cũng được khảo sát thăm dò ý kiến các chuyên gia về tính cấp thiết và khả thi của mỗi giải pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục (2011-2020)*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội : NXB Chính trị Quốc gia.
- Fred Abbott và Rosemary McMahon (1985). *Giảng dạy nhân viên chăm sóc sức khỏe* (bản dịch). Tài liệu hướng dẫn thực hành, NXB Y học.
- Guibert J. J. (1997). *Sổ tay giáo dục dành cho cán bộ y tế* (bản dịch). Xuất bản lần thứ sáu, NXB Y học.
- Nguyễn Thị Thanh Hiền (2024). Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*, số 1B.
- Nguyễn Thị Tuyết (2013). *Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực tập lâm sàng của học sinh Điều dưỡng ở Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Vinh.
- Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*. NXB Chính Trị Quốc Gia.
- Scanlan Judith Care, Gessler Sandra (2001). *Giải pháp cho tình trạng sinh viên chưa đạt yêu cầu trong TTLS* (bản dịch). NXB Y học.

ABSTRACT

**REALITY AND SOLUTIONS FOR MANAGING CONDITIONS
AND FACILITIES TO SUPPORT CLINICAL
INTERNSHIP ACTIVITIES OF STUDENTS MAJORING
IN GENERAL PRACTITIONER IN VINH CITY, NGHE AN**

Nguyen Thi Thanh Hien

Vinh Medical University, Nghe An, Vietnam

Received on 31/01/2024, accepted for publication on 20/02/2024

Through theoretical and practical research methods, the author has made a preliminary assessment of the reality of the management of conditions and facilities to support clinical internship activities of students majoring in General Practitioner in Vinh city, Nghe An province. The contents that have been surveyed, analyzed and evaluated include the distribution of lecturers, the number of lecturers, the number of interns in each class session, ensuring enough internship time as prescribed, etc. Based on the recorded situation, the author has proposed a number of solutions to improve the efficiency and quality of clinical internship for students majoring in General Practitioner in Vinh city, Nghe An province. The proposed solutions were also surveyed and experts were polled about the urgency and feasibility of each solution.

Keywords: General practitioner; clinical practice; efficiency; management.